TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/DS-PT
Ngày: 06 - 9 - 2017
"V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản và chia di sản thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Liêm

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đình Bảy

Bà Cao Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc "Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản và chia di sản thừa kế theo pháp luật".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DSST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2017/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Minh T, sinh năm 1977- Luật sư Văn phòng Luật sư Vũ Minh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Số 155 đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

– *Bị đơn:*

1. Ông Mai Tấn Đ, sinh năm 1974;

2. Ông Mai Tấn P, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Số 198 đường T1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Anh N, sinh năm 1976- Luật sư Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

– *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Mai Thị H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 198 đường T1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Mai Thị D, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khối phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. Bà Mai Thị T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 12/8 đường S, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Mai Thị H, bà Mai Thị D và bà Mai Thị T ủy quyền cho ông Bùi Anh N tham gia tố tụng.

4. Bà Mai Thị Cẩm N, sinh năm 1983;
5. Ông Mai Tấn N, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Số 178/8 đường S, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Mai Thị N, sinh năm 1984;
7. Bà Mai Thị T, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Khối phố M1, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Bà Mai Thị Cẩm N, ông Mai Tấn N, bà Mai Thị N, bà Mai Thị T ủy quyền cho ông Vũ Minh T tham gia tố tụng.

– *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc M, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Luật sư Vũ Minh T thống nhất trình bày:

Bà Hồ Thị Ngọc M là vợ của ông Mai Đăng D, ông bà tự nguyện kết hôn, về sống chung với nhau và đăng ký kết hôn hợp pháp năm 1982. Trong quá trình chung sống bà Hồ Thị Ngọc M và ông Mai Đăng D có 04 người con gồm: Mai Thị Cẩm N (sinh năm 1983); Mai Thị N (sinh năm 1984); Mai Tấn N (sinh năm 1986); Mai Thị T (sinh năm 1987). Trước khi về sống chung và kết hôn với bà Hồ Thị Ngọc M, ông Mai Đăng D có 05 người con với bà Trần Thị H (chết năm 1979) gồm: Mai Thị H (sinh năm 1968); Mai Tấn P (sinh năm 1972); Mai Tấn Đ (sinh năm 1974); Mai Thị D (sinh năm 1970); Mai Thị T (sinh năm 1976). Ngày 31/8/1993 cha ông Mai Đăng D là ông Mai L và bà Trần Thị T đã lập Biên bản thỏa thuận giao nhà cửa lại cho con, tặng cho ông Mai Đăng D ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 198 (trước đây là số 196), đường T1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số 25, diện tích đất là 213,6m^2 theo

hồ sơ 64/CP). Năm 1999 ông Mai Đăng D và bà Hồ Thị Ngọc M làm Đơn xin hợp thức hóa giấy tờ mua bán nhà ở xác định nguồn gốc nhà và đất tại số 196 Đường T1, thành phố T là của ông Mai Đăng D và bà Hồ Thị Ngọc M mua lại cuả ông Lê N và bà Nguyễn Thị L vào năm 1974 và thỏa thuận đề nghị hợp thức hóa giấy tờ sang tên tài sản chung của vợ chồng vào năm 1999, được UBND phường A xác nhận. Tháng 4/2012 ông Mai Đăng D chết, không để lại di chúc. Bà Hồ Thị Ngọc M thực hiện nghĩa vụ làm dâu, làm mẹ đối với con chồng và nuôi dạy các con sau khi ông Mai Đăng D chết. Tuy nhiên, các con trước của chồng bà Hồ Thị Ngọc M là ông Mai Tấn Đ và ông Mai Tấn P đã tự ý quyết định tài sản do vợ chồng bà Hồ Thị Ngọc M tạo lập mà không hỏi ý kiến bà. Để đảm bảo quyền lợi của bản thân, bà Hồ Thị Ngọc M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất tại thửa số 9, tờ bản đồ số 25, phường A, thành phố T (theo hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai là thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 68 tại phường A, thành phố T) là tài sản chung của vợ chồng ông Mai Đăng D, bà Hồ Thị Ngọc M và chia thừa kế phần di sản ông Mai Đăng D để lại theo quy định của pháp luật. Đối với phần tài sản trên đất là do ông Mai Tấn Đ và ông Mai Tấn P xây dựng nên nguyên đơn không yêu cầu chia.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Mai Tấn Đ và ông Mai Tấn P, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Luật sư Bùi Anh N thống nhất trình bày:

Nguyên ngôi nhà số 198 Đường T1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam là tài sản của ông Mai L (sinh năm 1915, chết năm 2005) và bà Trần Thị T (sinh năm 1917, chết năm 2012) để lại. Ngôi nhà này do ông Mai L, bà Trần Thị T mua của ông Lê N và bà Trương Thị Q vào năm 1971. Đến năm 1973, hai bên lập hợp đồng theo mẫu và được xã trưởng xã T xác nhận (ngôi nhà trước đây có địa chỉ 178 Đường T1, sau đó đổi thành 196 Đường T1, hiện nay là số 198 Đường T1, thành phố T). Sau năm 1975, ông Mai L, bà Trần Thị T về quê sinh sống nên đã giao ngôi nhà cho ông Mai Đăng D và bà Trần Thị H cùng các con ông Mai Đăng D sử dụng. Năm 1979 bà Hiên chết, năm 1980 ông Mai Đăng D có vợ khác là bà Hồ Thị Ngọc M. Ông Mai Đăng D và bà Hồ Thị Ngọc M sống trong ngôi nhà này được khoảng 01 năm thì làm nhà sống riêng tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, sau đó bán nhà riêng vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Ngôi nhà 198 Đường T1 anh em ông Mai Tấn Đ là người trực tiếp quản lý sử dụng và nộp thuế cho Nhà nước. Đến ngày 05/6/1999, ông Mai L, bà Trần Thị T lập Giấy chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và đất, giao trọn quyền sử dụng vĩnh viễn ngôi nhà và đất nói trên cho hai anh em ông Mai Tấn Đ và Mai Tấn P mỗi người một nửa. Hợp đồng được UBND xã Bình Nam, huyện Thăng Bình chứng thực. Anh em ông Mai Tấn Đ, ông Mai Tấn P sử dụng ngôi nhà nói trên để ở và đã sửa chữa ngôi nhà 03 lần vào các năm 1996, 2001 và đầu năm 2015 nên toàn bộ ngôi nhà của ông Mai L và Trần Thị T để lại hiện không còn nữa. Khi ông Mai Tấn Đ, ông Mai Tấn P lập hồ sơ để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thì bà Hồ Thị Ngọc M là vợ sau của ông Mai Đăng D khởi kiện yêu cầu phân chia thừa kế vì cho rằng ngôi nhà nói trên là của ông Mai Đăng D để lại là hoàn toàn không đúng. Do đó, ông Mai Tấn Đ và ông Mai Tấn P không đồng ý với yêu cầu

khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc M và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung như trên, tại bản án số 41/2017/DSST ngày 29/5/2017 Tòa án nhân dân thành phố T áp dụng Điều 221; Điều 612 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc M đối với ông Mai Tấn Đ và ông Mai Tấn P về việc "Yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản và chia di sản thừa kế theo pháp luật".

Án phí dân sự sơ thẩm, bà Hồ Thị Ngọc M phải chịu 2.905.580 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quy định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/6/2017 nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam cho rằng: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, thẩm tra các chứng cứ có tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Hồ Thị Ngọc M thì thấy:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 204m^2 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 68 tại số 198 Đường T1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam:

Tại hồ sơ vụ án, bà Hồ Thị Ngọc M cho rằng, diện tích đất tranh chấp là do ông Mai Đăng D nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Lê N và bà Nguyễn Thị L vào năm 1974, được hợp thức hóa giấy tờ sang tên tài sản chung của vợ chồng ông Mai Đăng D và bà Hồ Thị Ngọc M vào năm 1999. Tuy nhiên, căn cứ Giấy chứng nhận quyền nghiệp chủ của vợ chồng ông Lê N, bà Trương Thị Q cấp năm 1971 (BL 74); Tờ bán đoạn đất của vợ chồng ông Lê N và bà Trương Thị Q cho vợ chồng ông Mai L và bà Trần Thị T vào ngày 15/4/1973 có thị nhận của Xã trưởng xã T, quận T, tỉnh Quảng Tín (nay là thành phố T, tỉnh Quảng Nam), Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là tài sản

riêng của vợ chồng ông Mai L và bà Trần Thị T mua lại của vợ chồng ông Lê N và bà Trương Thị Q. Bà Hồ Thị Ngọc M cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Mai Đăng D nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Lê N và bà Nguyễn Thị L vào năm 1974 nhưng không cung cấp được văn bản thể hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên nên lời khai của bà Hồ Thị Ngọc M là không có cơ sở.

[2.2] Về xác định quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp: Tại hồ sơ vụ án, bà Hồ Thị Ngọc M cung cấp Biên bản thỏa thuận giao nhà cửa cho con ngày 31/8/1993 của ông Mai L, bà Trần Thị T giao ngôi nhà tại đường T1, thị xã T cho ông Mai Đăng D. Nhưng tại lời khai (BL 123- 130) những người con của ông Mai L, bà Trần Thị T có tên trong Biên bản gồm ông Mai Văn P, ông Mai Anh Đ, bà Mai Thị Trần Thị T, bà Mai Thị H, bà Mai Thị P đều thừa nhận: khi lập Biên bản không có mặt ông Mai L, bà Trần Thị T; ông Mai L, bà Trần Thị T không biết về việc thỏa thuận giao nhà cửa này của ba anh em ông Mai Văn P, ông Mai Anh Đ và ông Mai Đăng D. Tòa án đã tiến hành giám định nhưng không có cơ sở để kết luận chữ ký trong Biên bản thỏa thuận giao nhà cửa cho con là của ông Mai L và bà Trần Thị T. Hơn nữa, Biên bản được lập ngày 31/8/1993 này không có xác nhận của chính quyền địa phương và chỉ giao quyền sử dụng chứ không giao quyền sở hữu cho các bên. Mặt khác, đến ngày 05/6/1999, ông Mai L, bà Trần Thị T lập Giấy chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và đất cho hai cháu nội trai ông Mai Tấn Đ và ông Mai Tấn P, có chữ ký của chủ sử dụng đất ông Mai L, bà Trần Thị T và được UBND xã B, huyện T xác nhận chữ ký của ông Mai L, bà Trần Thị T vào ngày 12/6/1999, nội dung thể hiện: ba người con trai của ông Mai L, bà Trần Thị T là Mai Đăng D, Mai Anh Đ, Mai Văn P đã có gia đình và đều ở nhà riêng, vì vậy ông Mai L, bà Trần Thị T giao trọn quyền sử dụng vĩnh viễn ngôi nhà và đất tại số 196 Đường T1, thành phố T cho hai cháu nội Mai Tấn Đ và Mai Tấn P (BL 78, 79). Từ năm 1999 đến nay ông Mai L, bà Trần Thị T không có bất cứ văn bản nào thay đổi về việc giao quyền sử dụng đất thửa đất tại số 196 Đường T1, thành phố T cho người khác. Ngoài ra, ông Mai Tấn Đ và ông Mai Tấn P ở tại ngôi nhà trên diện tích đất tranh chấp từ năm 1995 và qua 03 lần sửa nhà vào năm 1996, 2001 và 2015 thì ngôi nhà đã được xây dựng lại hoàn toàn, bà Hồ Thị Ngọc M cũng thừa nhận điều này (BL 106).

[2.3] Qua xác minh tại UBND phường A, thành phố T thì diện tích đất tranh chấp hiện nay chính là diện tích đất ông Mai Đăng D kê khai 299/TTg đối với thửa 650, tờ số 01, tổ 12, diện tích 185m^2 (BL 20); theo hồ sơ 64/CP ông Mai Đăng D kê khai thửa đất số 9, tờ bản đồ số 25, diện tích 213,6m^2 tại khối 3, phường A, Thành phố T và nguồn gốc sử dụng nhà ở, đất ở là chuyển nhượng năm 1974 (BL 25). Mặc dù hồ sơ địa chính 299/TTg và 64/CP do ông Mai Đăng D kê khai vào các năm 1989 và năm 2001, nhưng tại thời điểm kê khai, ông Mai Đăng D không phải là chủ sử dụng đất hợp pháp. Tại Đơn xin hợp thức hóa giấy tờ mua bán nhà ở ngày 07/4/1999 thể hiện nội dung ông Mai Đăng D và bà Hồ Thị Ngọc M xin hợp thức hóa giấy tờ mua bán nhà ở mua lại từ ông Lê N và bà Nguyễn Thị L từ tháng 4/1974 (BL 30) là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, không có căn cứ để cho rằng diện tích đất tranh chấp

204m^2 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 68 tại số 198 Đường T1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam là tài sản chung vợ chồng của ông Mai Đăng D và bà Hồ Thị Ngọc M.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp 204m^2 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 68 tại số 198 Đường T1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam không phải là tài sản chung của ông Mai Đăng D và bà Hồ Thị Ngọc M, không phải là di sản của ông Mai Đăng D để chia thừa kế theo pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc M là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Ngọc M là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Hồ Thị Ngọc M phải chịu số tiền 2.905.580 đồng là không đúng. Tại cấp phúc thẩm, bà Hồ Thị Ngọc M có đơn xin miễn án phí. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần án phí của bản án sơ thẩm. Bà Hồ Thị Ngọc M được miễn nộp tiền án phí, hoàn trả cho bà Hồ Thị Ngọc M số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng bà Hồ Thị Ngọc M đã nộp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị Ngọc M được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Ngọc M số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Hồ Thị Ngọc M đã nộp.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng Điều 221, Điều 612 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc M đối với ông Mai Tấn Đ và ông Mai Tấn P về việc "Yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản và chia di sản thừa kế theo pháp luật".

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Ngọc M được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Ngọc M số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022844 ngày 12/10/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị Ngọc M được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Ngọc M số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002791 ngày 19/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (06/9/2017)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Xuân Liêm

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu.